TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-ST
Ngày 16-5-2025
Vv tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần P1; địa chỉ: Tòa nhà T, số A T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Phúc Quang T, sinh năm 1991; địa chỉ: A H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 28/2024/UQ-OCB ngày 04/12/2024 của giám đốc trung tâm R, Văn bản ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024 của người đại diện theo pháp luật, chủ tịch hội đồng quản trị Trịnh Văn T1); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lưu Thị T2, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

01. Ông Thái Ngọc B, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

02. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

03. Chị Võ Thị Kiều T3, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

04. Anh Võ Trung N, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

05. Anh Võ Trung H1, sinh năm 2006; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P1, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Phúc Quang T trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần P1 và ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị Tuyết C ký kết Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 và khế ước nhận nợ số 0027.01/2023/NBD/KUNN ngày 24 tháng 3 năm 2023. Theo hợp đồng, ông Á, bà T2 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay mua bất động sản riêng lẻ, thời hạn vay 300 tháng, lãi suất 12,8%/năm, lãi suất có điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng thương mại cổ phần P1 và ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị Tuyết ký K giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023. Hạn mức thẻ tín dụng 75.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 0027/2023/NBD/HĐTC ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P1 với ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị Tuyết L quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 49, tọa lạc thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY082680, số vào sổ cấp GCN CS06701 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30 tháng 10 năm 2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023, khế ước nhận nợ số 0027.01/2023/NBD/KUNN ngày 24 tháng 3 năm 2023 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P1 với ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị Tuyết .

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần P1 yêu cầu bà Lưu Thị T2 và hàng thừa kế của ông Á trả số tiền nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 với số tiền cụ thể như sau: Nợ Hợp đồng tín dụng là 1.525.298.252 đồng; trong đó nợ gốc là 1.410.463.009 đồng, nợ lãi trong hạn là 109.448.177 đồng, lãi quá hạn 5.387.066 đồng. Nợ thẻ 106.482.479 đồng, trong đó nợ gốc 72.570.987 đồng, nợ lãi quá hạn 31.711.947 đồng, phí quá hạn 2.199.545 đồng.

Trường hợp bà T2 và hàng thừa kế của ông Á không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên thì yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước xử lý tài sản thế chấp theo quy định để thu hồi nợ vay.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lưu Thị T2 trình bày:

Chồng bà là ông Võ Văn Á chết ngày 08 tháng 10 năm 2024. Vợ chồng bà có 03 người con gồm chị Võ Thị Kiều T3, sinh năm 1996, anh Võ Trung N, sinh năm 2000 và anh Võ Trung H1, sinh năm 2006. Chồng bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ chồng chết đã lâu, chết trước chồng bà.

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay tại Ngân hàng TMCP P1 theo hợp đồng tín dụng mà phía nguyên đơn trình bày. Thực tế, khoản vay này là vay hộ vợ chồng ông Thái Ngọc B, bà Lưu Thị Huệ .1 Khi chồng bà chết, bà nhiều lần yêu cầu ông B, bà H trả nợ ngân hàng để không phiền vợ chồng bà nhưng ông B, bà H không trả.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ, bà đồng ý trả toàn bộ số nợ và đề nghị phát mại tài sản để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Trung H1 vắng mặt nhưng tại biên bản ghi lời khai anh H1 trình bày:

Khi cha anh là ông Võ Văn Á còn sống, ông Thái Ngọc B, bà Lưu Thị H có nhờ cha mẹ anh vay hộ tiền tại ngân hàng TMCP P1 nhưng số tiền bao nhiêu anh không biết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ thì anh đồng ý trả nợ trong phạm vi tài sản thế chấp mà cha anh đã ký kết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái Ngọc B, bà Lưu Thị H, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N không đến tòa cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đề nghị như sau: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần P1 khởi kiện yêu cầu bà Lưu Thị Tuyết T4 số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Lưu Thị Tuyết cư T5 tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Lưu Thị T2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái Ngọc B, bà Lưu Thị H, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, anh Võ Trung H1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T2, ông B, bà H, chị T3, anh N, anh H1.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần P1, Hội đồng xét xử nhận định: Ngân hàng yêu cầu bà Lưu Thị T2 và những người thừa kế của ông Võ Văn Á, trả số tiền vợ chồng ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị Tuyết N1 theo Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023. Bị đơn bà Lưu Thị Tuyết thừa N2 nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Á, bà T2 có vay tiền tại Ngân hàng TMCP P1.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 và khế ước nhận nợ số 0027.01/2023/NBD/KUNN ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P1 với ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị Tuyết . Theo hợp đồng, ông Á, bà T2 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay mua bất động sản riêng lẻ, thời hạn vay 300 tháng, lãi suất 12,8%/năm, lãi suất có điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đến kỳ hạn trả nợ, ông Á, bà T2 không trả theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 16 tháng 5 năm 2025, bà T2, ông Á còn nợ 1.525.298.252 đồng; trong đó nợ gốc là 1.410.463.009 đồng, nợ lãi trong hạn là 109.448.177 đồng, lãi quá hạn 5.387.066 đồng. Căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 100, khoản 2 Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng 2024, vợ chồng ông Á, bà T2 có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên.

[5] Xét giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 giữa Ngân hàng TMCP P1 và ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị Tuyết T6 hạn mức thẻ tín dụng 75.000.000 đồng. Ông Á, bà T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 16 tháng 5 năm 2025, bà T2, ông Á còn nợ 106.482.479 đồng, trong đó nợ gốc 72.570.987 đồng, nợ lãi quá hạn 31.711.947 đồng, phí quá hạn 2.199.545 đồng. Căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 100, khoản 2 Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng 2024, vợ chồng ông Á, bà T2 có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên.

[6] Vì ông Á đã chết nên người thừa kế của ông Á có nghĩa vụ trả khoản nợ trên bằng di sản của ông Á mà họ được thừa kế theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của ông Á gồm vợ, con là bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, anh Võ Trung H1. Căn cứ Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình, buộc bà T2 phải trả cho Ngân hàng ½ số tiền nợ gốc, lãi và buộc bà T2, chị T3, anh N, anh H1 trả cho ngân hàng ½ số nợ gốc, lãi nêu trên trong phạm vi di sản của ông Á để lại.

[7] Tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm cho khoản vay

theo hợp đồng thế chấp số 0027/2023/NBD/HĐTC ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P1 với ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị Tuyết L quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 49, tọa lạc thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY082680, số vào sổ cấp GCN CS06701 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 30 tháng 10 năm 2020 cho ông Thái Ngọc B, bà Lưu Thị Huệ .1 Ông B, bà H chuyển nhượng cho ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị T2, đã được đăng ký chỉnh lý biến động ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, chi nhánh huyện T.

[8] Xét hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật và được công chứng tại Phòng C1 tỉnh Bình Định nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày ký kết. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, chi nhánh huyện T ngày 24 tháng 3 năm 2023. Theo như bà T2 cung cấp, ông Thái Ngọc B, bà Lưu Thị H nhờ vợ chồng bà vay hộ số tiền trên tại Ngân hàng và hiện tại ông B, bà H đang quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên. Tuy nhiên, theo khế ước nhận nợ khách hàng cá nhân số 0027.01/2023/NBD/KUNN ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P1 với ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị T2 thể hiện giải ngân số tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản của ông Thái Ngọc B. Chứng tỏ ông B, bà H biết về việc vay và thế chấp tài sản bảo đảm khoản vay trên. Do đó, hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

[9] Ngân hàng TMCP P1 yêu cầu trường hợp ông Á, bà T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 thì yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước xử lý tài sản thế chấp theo quy định để thu hồi nợ vay. Xét yêu cầu của Ngân hàng P2 với Điều 299, 307, 317, 318, 319, 320, 322 Bộ luật dân sự và tại thỏa thuận theo Điều 5 của Hợp đồng thế chấp tài sản nên được chấp nhận nhưng chỉ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023. Còn giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 là khoản vay không có bảo đảm cũng như không có phụ lục thể hiện tài sản bảo đảm cho khoản vay trên nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà T2 đồng ý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ số nợ nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng. Bà T2 cùng các con phải trả số nợ của ông Á trong phạm vi di sản của ông Á để lại.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Vì yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, Võ Trung H1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng thương mại cổ phần P1 đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng. Bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền 1.500.000 đồng. Bà T2,

chị T3, anh N, anh H1 cùng thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền 1.500.000 đồng.

[11] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lưu Thị Tuyết P chịu là 36.000.000 đồng + (15.890.365 đồng x 3%) = 36.476.710 đồng. Bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, Võ Trung H1 phải chịu 36.000.000 đồng + (15.890.365 đồng x 3%) = 36.476.710 đồng. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần P1 được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 295, 298, 299, 303, 304, 306, 307, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 500, 501, 502 của Bộ luật dân sự; Điều 100, khoản 2 Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q,

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lưu Thị Tuyết T4 cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền là 815.890.365 (tám trăm mười lăm triệu tám trăm chín mươi nghìn ba trăm sáu mươi lăm) đồng, cụ thể của từng khoản nợ:

Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 là 762.649.126 (bảy trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó gồm nợ gốc 705.231.504 (bảy trăm lẻ năm triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm lẻ bốn) đồng, nợ lãi trong hạn 54.724.088 (năm mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám) đồng, nợ lãi quá hạn 2.693.533 (hai triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi ba) đồng.

Nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 là 53.241.239 (năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc 36.285.493 (ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng, lãi quá hạn 15.855.973 (mười lăm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi ba) đồng, nợ phí quá hạn 1.099.772 (một triệu không trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng.

2. Buộc bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, anh Võ Trung H1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền là 815.890.365 (tám trăm mười lăm triệu tám trăm chín mươi nghìn ba trăm sáu mươi lăm) đồng trong phạm vi di sản của ông Võ Văn Á để lại, cụ thể của từng khoản nợ:

Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm

2023 là 762.649.126 (bảy trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó gồm nợ gốc 705.231.504 (bảy trăm lẻ năm triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm lẻ bốn) đồng, nợ lãi trong hạn 54.724.088 (năm mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám) đồng, nợ lãi quá hạn 2.693.533 (hai triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi ba) đồng.

Nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 là 53.241.239 (năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc 36.285.493 (ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng, lãi quá hạn 15.855.973 (mười lăm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi ba) đồng, nợ phí quá hạn 1.099.772 (một triệu không trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng.

3. Kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 trên từng khoản nợ gốc cho đến khi thi hành án xong.

4. Trường hợp bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, anh Võ Trung H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023 thì Ngân hàng thương mại cổ phần P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện T tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 49, tọa lạc thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY082680, số vào sổ cấp GCN CS06701 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 30/10/2020 cho ông Thái Ngọc B, bà Lưu Thị H, chuyển nhượng cho ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị T2, đã được đăng ký chỉnh lý biến động ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, chi nhánh huyện T theo hợp đồng thế chấp số 0027/2023/NBD/HĐTC ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P1 với ông Võ Văn Á, bà Lưu Thị Tuyết .

Trường hợp tại thời điểm phát mại có tài sản gắn liền phát sinh thì cũng được xử lý để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà T2 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 bằng các tài sản khác thuộc sở hữu của bà T2 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/NBD/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2023 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25 tháng 3 năm 2023.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Võ Văn Á thì bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, anh Võ Trung H1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản của ông Á để

lại cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, anh Võ Trung H1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY082680, số vào sổ cấp GCN CS06701 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 30 tháng 10 năm 2020 cho bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, anh Võ Trung H1.

Tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm, ông Thái Ngọc B, bà Lưu Thị H và những người khác đang thực tế sống cùng hoặc đang quản lý sử dụng tài sản phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản để thi hành án.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bà Lưu Thị Tuyết P thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, anh Võ Trung H1 cùng thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí: Bà Lưu Thị Tuyết P chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 36.476.710 (ba mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười) đồng.

Bà Lưu Thị T2, chị Võ Thị Kiều T3, anh Võ Trung N, anh Võ Trung H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 36.476.710 (ba mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười) đồng.

H2 lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 29.050.000 (hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần P1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002948 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên